

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 3 - 2018

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Xuân.

2. Ông Lê Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXX - ST ngày 25 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K n, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 3, xã Thanh An, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Hà Quang T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp 3, xã Thanh An, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(bà Nguyễn có mặt; ông T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị K n yêu cầu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị K n và ông Hà Quang T sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An vào năm 2011. Trong quá trình chung sống bà Nguyễn và ông T có 02 con chung tên H T L N, sinh ngày 03/6/2012 và H Q T, sinh ngày 28/7/2015, cháu Na và cháu Trường hiện đang sống chung với bà Nguyễn. Vợ chồng chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng từ tháng 7 năm 2015

do Th tình và quan điểm sống không phù hợp nhau nên từ năm 2016 bà Nguyễn và ông T không sống chung. Nay bà Nguyễn nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà Nguyễn khởi kiện yêu cầu: Về tình cảm, bà Nguyễn yêu cầu ly hôn với ông T; về con chung, bà Nguyễn yêu cầu được nuôi dưỡng con tên H T L N và H Q T yêu cầu ông Nguyễn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và cấp dưỡng hằng tháng; về tài sản chung, nợ chung, bà Nguyễn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị K n và ông Hà Quang T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T cư trú trên địa phận huyện Thanh Hóa, bà Nguyễn khởi kiện yêu cầu ly hôn, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt ông Hà Quang T:* Ông T vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị K n trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do Th tình và quan điểm sống không phù hợp nhau. Bà Nguyễn và ông T đã không sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, ông T vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà Nguyễn nên lời trình bày của bà Nguyễn về tình trạng mâu thuẫn giữa bà Nguyễn và ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn và ông T không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn và ông T.

[4] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị K n yêu cầu được nuôi dưỡng con chung H T L N và H Q T. Ông T vắng mặt và không có ý kiến nào về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn.

[5] *Về việc cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà Nguyễn Thị K n yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

1.000.000đ/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và cấp dưỡng hằng tháng. Theo lời trình bày của bà Nguyễn, ông T làm nghề giao ga thuê có thu nhập không ổn định và ở mức thấp của người dân địa phương nên căn cứ Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình mức cấp dưỡng tối thiểu hiện nay là một nửa tháng lương cơ bản. Để bảo đảm một phần nhu cầu sinh hoạt của con, cần chấp nhận mức cấp dưỡng là 650.000đ/tháng/con và phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hằng tháng đến khi H T L N và H Q T đủ 18 tuổi là phù hợp.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị K n không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà Nguyễn Thị K n phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Ông Hà Quang T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K n đối với ông Hà Quang T.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị K n ly hôn với ông Hà Quang T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị K n được quyền nuôi dưỡng con chung tên H T L N, sinh ngày 03/6/2012 và H Q T, sinh ngày 28/7/2015, cháu Na và Trường hiện đang sống chung với bà Nguyễn. Ông T cấp dưỡng mỗi con 650.000đ/tháng/tháng và cấp dưỡng hằng tháng đến khi cháu Na và Trường đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K n phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Nguyễn đã nộp theo biên lai số 0003789 ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa sang thi hành án phí, bà Nguyễn đã nộp xong án phí. Ông Hà Quang T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thanh Hóa;
- THADS huyện Thanh Hóa;
- UBND xã Tân Đông;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Trường Thọ